

Ơ

NGHI P V CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần (cho vay theo món):

a. Khái niệm:

Cho vay từng lần là phương thức cho vay được thực hiện riêng biệt theo từng nhu cầu vốn của khách hàng.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

b. Đặc điểm:

- Hợp đồng tín dụng ký độc lập cho từng lần vay.
- Giải ngân, thu nợ được thực hiện riêng cho từng lần vay.
- Vốn tín dụng chỉ tham gia vào một giai đoạn hay một chu kỳ sản xuất kinh doanh

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

c. Đối tượng áp dụng:

- ❖ Khách hàng không đủ điều kiện cho vay theo hạn mức tín dụng
- ❖ Khách hàng không có nhu cầu vay vốn thường xuyên
- ❖ Khách hàng mới giao dịch với ngân hàng lần đầu

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

d. Mức cho vay:

$$\begin{array}{lcl} \text{Nhu cầu VLD} & = & \text{Tổng chi phí} - \text{Chi phí dài hạn} \\ \text{PAKD} & & \text{PAKD} \quad \quad \quad (\text{Khấu hao cơ} \\ & & \quad \quad \quad \text{bản}) \end{array}$$

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức} & = & \text{Nhu cầu VLĐ} - \text{Vốn tự có của} \\ \text{cho vay} & & \text{PAKD} \quad \quad \quad \text{khách hàng} \end{array}$$

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

d. Mức cho vay:

Căn cứ xác định giới hạn mức cho vay:

- Giá trị tài sản bảo đảm.
- Khả năng trả nợ của khách hàng.
- Khả năng nguồn vốn của ngân hàng.
- Giới hạn cho vay theo quy định của NHNN và ngân hàng cho vay.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

e. Giải ngân:

Số tiền vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được phát vay một lần.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

f. Thu nợ:

- Gốc và lãi thu một lần vào ngày đáo hạn
- Gốc thu một lần vào ngày đáo hạn, lãi thu mỗi tháng
- Gốc thu nhiều lần, lãi thu cùng với nợ gốc

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

g. Tất toán khoản vay - Xử lý rủi ro phát sinh:

Khi bên đi vay trả hết nợ cho ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành thủ tục tất toán khoản vay.

Khi đến thời điểm trả nợ bên đi vay không trả được nợ cho ngân hàng:

- Gia hạn nợ
- Chuyển nợ quá hạn

III. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG ĐỐI VỚI DN

1. Cho vay từng lần:

❖ Ví dụ:

Ngày 15/01/2009 ngân hàng đồng ý cho khách hàng vay bổ sung vốn lưu động với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền: 30.000.000
- Thời hạn: 3 tháng
- Lãi suất cho vay: 1,5% /tháng.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

1. Cho vay từng lần:

Yêu cầu:

- 1/ Xác định số tiền khách hàng phải trả cho ngân hàng vào thời điểm đáo hạn.*
- 2/ Khách hàng không trả được nợ, ngân hàng chuyển nợ quá hạn cho khoản vay này. Hãy xác định số tiền khách hàng phải trả cho ngân hàng nếu KH trả nợ vào ngày 10/05/2009.*

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

a. Khái niệm:

Cho vay theo hạn mức là phương thức cho vay mà ngân hàng xác định và thỏa thuận với khách hàng một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất định.

Hạn mức tín dụng là mức dư nợ tối đa

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

b. Đặc điểm :

- Áp dụng theo từng kỳ tín dụng (*quý, 6 tháng, năm*).
- Sử dụng hai loại hợp đồng tín dụng:
 - Hợp đồng tín dụng **hạn mức**.
 - Hợp đồng tín dụng **cụ thể**.
- Áp dụng cho những khách hàng có nhu cầu vay vốn thường xuyên.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho theo hạn mức tín dụng :

c. Hạn mức tín dụng:

❖ Căn cứ để xác định hạn mức tín dụng:

- Nhu cầu vốn lưu động của khách hàng cho kỳ tín dụng.
- Vốn lưu động của khách hàng vào thời điểm xét hạn mức tín dụng.
- Vốn lưu động khác.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

c. Hạn mức tín dụng:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Hạn mức} & = & \text{Nhu cầu} & - & \text{VLĐ} & - & \text{VLĐ} \\ \text{TD} & & \text{VLĐ} & & \text{của} & & \text{khác} \\ (\text{KH}) & & (\text{KH}) & & \text{k/hàng} & & \end{array}$$

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

c. Hạn mức tín dụng:

❖ Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nhu cầu} & = & \text{Dự toán CP} & - & \text{Chi phí dài} & - & \text{Chi phí} \\ \text{VLĐ} & & \text{SXKD} & & \text{hạn} & & \text{không hợp} \\ (\text{KH}) & & (\text{KH}) & & (\text{KHTSCĐ}) & & \text{lệ} \end{array}$$

Vòng quay vốn lưu động (KH)

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

c. Hạn mức tín dụng:

❖ Vốn lưu động của khách hàng:

Vốn kinh doanh ngắn hạn của khách hàng.

Các quỹ trích lập hàng năm.

Lợi nhuận chưa phân phối

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

c. Hạn mức tín dụng:

❖ Vốn lưu động khác:

Vay của ngân hàng khác.

Vay ngắn hạn dưới các hình thức khác

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

d. Giải ngân:

- Trong thời hạn duy trì hạn mức tín dụng khách hàng được rút vốn nhiều lần, tùy theo nhu cầu sử dụng vốn thực tế.
- Mỗi lần KH rút vốn, NH phải lập một kế ước nhận nợ hoặc một hợp đồng tín dụng cụ thể cho khách hàng.

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

e. Thu nợ:

❖ Thu nợ gốc:

- Nợ gốc được thu theo từng hợp đồng cụ thể, hợp đồng nào trước thì được ưu tiên thu trước.
- Khi kết thúc thời hạn thu nợ theo từng hợp đồng mà bên đi vay không trả được thì ngân hàng sẽ xem xét chuyển nợ quá hạn.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

d. Thu nợ:

❖ Thu lãi vay:

- Định kỳ thu lãi mỗi tháng một lần, *(hoặc khi tất toán hợp đồng cụ thể.)*
- Thu từ tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng tại ngân hàng cho vay.
- Lãi vay mỗi tháng là tổng tiền lãi của tất cả các hợp đồng cụ thể đang còn hiệu lực.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

d. Thu nợ:

- Công thức tính :

$$\text{Tiền lãi vay} = \sum V_i * N_i * r_i$$

Trong đó :

V_i : Dư nợ tính lãi của món vay thứ i

N_i : Số ngày tính lãi của dư nợ V_i

r_i : Lãi suất cho vay của món vay thứ i

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

f. Thanh lý hợp đồng:

❖ Hợp đồng hạn mức:

Hợp đồng tín dụng hạn mức được thanh lý khi kết thúc thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

❖ Hợp đồng cụ thể:

Hợp đồng tín dụng cụ thể được thanh lý khi bên đi vay trả hết nợ cho hợp đồng này.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

Ví dụ: Thông tin liên quan đến khoản vay của KH như sau

Hợp đồng hạn mức được ký vào ngày 15/03/2008 với hạn mức tín dụng là 1.000, thời hạn hợp đồng là 1 năm kể từ ngày ký.

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

Ví dụ: Chi tiết những hợp đồng cụ thể như sau:

Ngày	Vay				Trả nợ
	Số tiền	Thời hạn	Lãi suất	Đáo hạn	
20/03	300	3 tháng	0.8%	20/06	
15/04	400	3 tháng	0.8%	15/07	
20/05					200
15/06	200	3 tháng	0.85%	15/09	
20/06					100

I. CHO VAY BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng:

Ví dụ:

Yêu cầu :

Tính tiền phải trả cho ngân hàng mỗi tháng (*từ tháng 3 đến tháng 6*). Biết rằng ngân hàng tính lãi vay hạn mức vào ngày 28 mỗi tháng..

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư

a. Khái niệm:

Cho vay theo dự án đầu tư là phương thức cho vay trung dài hạn đáp ứng nhu cầu vốn cho khách hàng (*chi cho XD CB; mua sắm MMTB; một phần vốn lưu động*) thực hiện các dự án đầu tư (*đầu tư mới, đầu tư cải tiến kỹ thuật, đầu tư mở rộng sản xuất...*).

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư

b. Đặc điểm:

Quy mô tài trợ lớn.

Thời hạn cho vay dài.

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư:

c. Hồ sơ vay:

- Hồ sơ pháp lý của khách hàng.
- Báo cáo tài chính, thu nhập.
- Hồ sơ dự án vay vốn.
- Hồ sơ đảm bảo nợ vay.
- Giấy đề nghị vay vốn.

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư :

d. Thời hạn cho vay:

❖ Thời gian giải ngân:

Thời hạn giải ngân là gian chuyển giao vốn tín dụng từ ngân hàng sang người đi vay để đáp ứng vốn cho xây dựng cơ bản của dự án.

❖ Thời gian thu hồi nợ:

Thời hạn thu hồi nợ là thời gian vốn tín dụng được hoàn trả lại cho ngân hàng.

$$\text{THCV} = \text{TH giải ngân} + \text{TH thu hồi nợ}$$

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư :

d. Thời hạn cho vay :

❖ Lưu ý :

- Nếu dự án vay được ngân hàng xem xét cho ân hạn nợ, thì thời hạn cho vay còn bao gồm cả thời hạn ân hạn nợ.

- *Thời hạn ân hạn* là khoảng thời gian mà NH có thể chỉ thu lãi mà chưa thu nợ gốc hoặc chưa thu cả nợ gốc và lãi.

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư:

e. Mức cho vay :

❖ Căn cứ sau xác định mức cho vay:

- Tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm cả nhu cầu vốn cố định và nhu cầu vốn lưu động ban đầu).

- Vốn đầu tư tự có của khách hàng.

- Nguồn vốn đầu tư khác.

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay theo dự án đầu tư :

e. Mức cho vay :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức cho} & = & \text{Tổng mức} & - & \text{Vốn đầu} & - & \text{Vốn đầu} \\ \text{vay} & & \text{vốn} & & \text{tư} & & \text{tư} \\ & & \text{đầu tư DA} & & \text{tự có} & & \text{khác} \end{array}$$

II. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Những vấn đề chung về cho vay đầu tư dự án:

e. Mức cho vay :

❖Giới hạn mức cho vay:

- Giới hạn về tài sản đảm bảo.
- Khả năng nguồn vốn của ngân hàng.
- Giới hạn cho vay theo quy định của ngân hàng nhà nước và ngân hàng cho vay.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

a. Thẩm định :

- ❖ Thẩm định khách hàng.
- ❖ Thẩm định dự án đầu tư.
- ❖ Thẩm định tài sản đảm bảo.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

b. Giải ngân:

- Số tiền cho vay được giải ngân thành nhiều đợt, tùy thuộc vào tiến độ thi công của dự án.
- Ngân hàng mở một tài khoản cho vay và lập kế ước nhận nợ cho khách hàng để theo dõi số tiền phát vay từng đợt.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

b. Giải ngân:

- Khi đề nghị rút vốn khách hàng phải nộp kèm theo chứng minh nhu cầu sử dụng vốn.
- Tổng số tiền giải ngân cho khách hàng không được vượt quá số tiền cho vay đã ghi cụ thể trong hợp đồng.
- Thời gian giải ngân kết thúc khi dự án được nghiệm thu

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

❖ Dư nợ vào thời điểm nghiệm thu dự án (V_0):

$$V_0 = \begin{array}{c} \text{Tổng số} \\ \text{tiền giải} \\ \text{ngân} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Lãi vay} \\ \text{thi công} \end{array}$$

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

❖ Dư nợ vào thời điểm nghiệm thu dự án (Vo):

➤ Lãi vay thi công:

- Lãi vay thi công là tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi công của dự án.

➤ Lãi vay trung dài hạn:

- Lãi vay trung dài hạn là tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm nghiệm thu dự án cho đến khi kết thúc thời hạn cho vay.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

❖ Dư nợ vào thời điểm nghiệm thu dự án (V_o):

Ví dụ 1:

Khách hàng đến ngân hàng xin tài trợ dự án đầu tư xây dựng mới, chi tiết cụ thể như sau:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện dự án: 10.000.
- Thời gian hoạt động: 10 năm.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

NH đồng ý tài trợ 60% nhu cầu vốn cho đầu tư thực hiện dự án. Khoản tín dụng này được giải ngân thành nhiều đợt:

Đợt	Ngày	Số tiền
1	03/01/2007	2.400
2	04/03/2007	1.800
3	04/06/2007	600
4	01/08/2007	1.200

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

Yêu cầu :

- Hãy tính lãi vay thi công và dư nợ vào thời điểm nghiệm thu dự án.

- *Biết rằng:*

Lãi suất cho vay trong giai đoạn thi công là 1,2% tháng.

Dự án được nghiệm thu và đưa vào sử dụng ngày 29/10/2007

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2. Thẩm định, giải ngân và thu nợ:

c. Thu nợ:

❖ Phương thức 1: *Phương thức kỳ khoản giảm dần*

✓ Đặc điểm:

- Nợ gốc trả ở mỗi kỳ hạn bằng nhau.

- Lãi vay trung dài hạn được tính theo dư nợ thực tế trong mỗi kỳ hạn.

=> *Số tiền trả cho NH giảm dần qua các kỳ hạn*

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

❖ Phương thức 1: *Phương thức kỳ khoản giảm dần*

➤ Công thức tính:

- Nợ gốc phải trả ở mỗi kỳ

$$V_i = \frac{V_0}{n}$$

- Tiền lãi vay trung dài hạn:

$$I_i = D_i * N_i * r_i$$

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

❖ Phương thức 1: *Phương thức kỳ khoản giảm dần*

➤ Công thức tính:

Trong đó :

$$D_i = V_0 - (i - 1) \frac{V_0}{n}$$

- Mức hoàn trả ở mỗi kỳ :

$$a_i = V_i + I_i$$

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ví dụ 2: (tiếp theo ví dụ 1).

- Thời hạn trả nợ 4 năm kể từ ngày nghiệm thu dự án.
- Định kỳ trả nợ hàng quý, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 31/01/2008.
- Lãi suất cho vay trong năm đầu là 18% năm.

Yêu cầu : *Hãy lập bảng kế hoạch thu nợ cho khoản vay trên với điều kiện gốc trả đều, lãi tính theo dư nợ thực tế .*

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Bảng kế hoạch thu nợ:

K H	Ngày trả nợ	Dư nợ ĐK	Số nợ phải thu			Dư nợ CK
			Gốc (V_i)	Lãi (I_i)	Tổng (a_i)	
			Nghịệp vụ NHTM			47

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

c. Thu nợ:

❖ Phương thức 2: *Phương thức kỳ khoản tăng dần*

➤ Đặc điểm:

- Nợ gốc trả ở mỗi kỳ hạn bằng nhau.
- Lãi vay trung dài hạn được tính theo nợ gốc hoàn trả ở mỗi kỳ hạn.

=> *Số tiền trả cho NH tăng dần qua các kỳ hạn*

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

❖ Phương thức 2: *Phương thức kỳ khoản tăng dần*

➤ Công thức tính:

- Nợ gốc phải trả ở mỗi kỳ:

$$V_i = \frac{V_0}{n}$$

- *Tiền lãi* vay trung dài hạn:

$$I_i = V_i * N_i * r_i$$

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

❖ Phương thức 2: *Phương thức kỳ khoản tăng dần*

➤ Công thức tính

- Mức hoàn trả ở mỗi kỳ :

$$a_i = V_i + I_i$$

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ví dụ 3:

Hãy lập bảng kế hoạch thu nợ cho khoản vay trên với điều kiện gốc trả đều, lãi tính theo nợ gốc hoàn trả.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Bảng kế hoạch thu nợ:

K H	Ngày trả nợ	Dư nợ ĐK	Số nợ phải thu			Dư nợ CK
			Gốc (V_i)	Lãi (I_i)	Tổng (a_i)	

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

c. Thu nợ:

❖ Phương thức 3: *Phương thức kỳ khoản cố định:*

➤ Đặc điểm:

- Mức hoàn trả cho ngân hàng ở mỗi kỳ hạn bằng nhau.

- Lãi vay trung dài hạn được tính theo dư nợ thực tế ở mỗi kỳ hạn.

=> *Nợ gốc trả trong kỳ là phần chênh lệch giữa mức hoàn trả cố định và tiền lãi phát sinh trong kỳ đó.*

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

❖ Phương thức 3: *Phương thức kỳ khoản cố định:*

➤ Công thức tính:

- Mức hoàn trả ở mỗi kỳ:

$$a = \frac{V_0 * r * (1 + r)^n}{(1 + r)^n - 1}$$

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ví dụ 4:

Hãy lập bảng kế hoạch thu nợ cho khoản vay này với điều kiện số tiền trả ở mỗi kỳ hạn bằng nhau.

IV. CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Bảng kế hoạch thu nợ:

K H	Ngày trả nợ	Dư nợ ĐK	Số nợ phải thu			Dư nợ CK
			Gốc (V_i)	Lãi (I_i)	Tổng (a_i)	
			Nghị vụ NHTM			56

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

a. Khái niệm:

Cho vay tiêu dùng là loại hình cho vay nhằm hỗ trợ vốn cho khách hàng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt chi tiêu của cá nhân, gia đình chẳng hạn: mua sắm vật dụng gia đình; sửa chữa nhà ở; mua sắm phương tiện đi lại; thanh toán chi phí học tập và các khoản chi cho các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

b. Đặc điểm:

- Tiền vay được sử dụng cho các mục đích không sinh lời.
- Khả năng trả nợ hoàn toàn độc lập với việc sử dụng tiền vay, nguồn trả nợ là nguồn thu nhập của khách hàng nên NH rất khó kiểm tra và giám sát nguồn thu nhập này.

=> Là loại hình cho vay có mức độ rủi ro

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

c. Các sản phẩm cho vay tiêu dùng:

❖ Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay:

- Cho vay sinh hoạt tiêu dùng;
- Cho vay mua xe, mua nhà;
- Cho vay hỗ trợ du học...

❖ Căn cứ vào hình thức đảm bảo:

- Cho vay tiêu dùng tín chấp;
- Cho vay thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh...

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

c. Các sản phẩm cho vay tiêu dùng:

❖ Căn cứ hình thức thanh toán:

- Thanh toán một lần vào thời điểm đáo hạn
- Thanh toán nhiều lần theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

d. Hồ sơ vay :

- Chứng từ pháp lý của khách hàng: CMND, sổ hộ khẩu, KT3, một số giấy tờ khác theo yêu cầu của NH;
- Giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn;
- Giấy tờ liên quan đến hình thức bảo đảm nợ vay;
- Giấy tờ chứng minh nguồn thu nhập.
- Giấy đề nghị vay vốn.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

e. Phân tích cho vay :

- ❖ Phân tích năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi của khách hàng:
 - Đủ độ tuổi theo quy định của pháp luật.
 - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - Không bị rối loạn tâm thần, ý thức được các hoạt động giao tiếp của mình.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

e. Phân tích điều kiện cho vay :

❖ Phân tích khả năng trả nợ:

- Nguồn thu nhập bao gồm:

Thu nhập từ chính theo dõi bằng sổ sách .

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác.

- Phân tích các khoản chi phí, thói quen chi tiêu của khách hàng.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

e. Phân tích điều kiện cho vay :

❖ Phân tích khả năng trả nợ:

- Đánh giá tương lai của nguồn thu nhập thông qua các yếu tố: tuổi đời, học vấn, nghề nghiệp, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình...
- Phân tích thiện chí trả nợ của khách hàng từ những thông tin liên quan đến khách hàng trong quá khứ.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

e. Phân tích điều kiện cho vay:

❖ Phân tích đảm bảo tín dụng:

- Tín chấp;
- Thế chấp;
- Cầm cố;
- Bảo lãnh.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

f. Theo dõi thu nợ:

❖ Cho vay tiêu dùng trả một lần:

- Áp dụng cho các khoản vay nhỏ, thời hạn cho vay không dài.
- Khách hàng sẽ thanh toán cho ngân hàng một lần vào thời điểm đáo hạn của món vay:

$$V_n = V_0 + V_0 * N * r$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

f. Theo dõi thu nợ:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

- Áp dụng cho các khoản cho vay với số tiền lớn, thời hạn vay tương đối dài.
- Khách hàng trả nợ thành nhiều kỳ, với kỳ khoản đều nhau.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, với số tiền trả mỗi kỳ bằng nhau:

$$a = \frac{V_0 * r * (1+r)^n}{(1+r)^n - 1}$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, lãi tính trên dư nợ thực tế:

- Vốn gốc :

$$V_i = \frac{V_o}{n}$$

- Lãi vay :

$$I_i = D_i * N_i * r_i$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, lãi tính trên dư nợ thực tế:

- Số tiền trả ở mỗi kỳ :

$$a_i = V_i + I_i$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, lãi tính theo nợ nợ gốc hoàn trả mỗi kỳ:

- Nợ gốc phải trả ở mỗi kỳ

$$V_i = \frac{V_0}{n}$$

- Tiền lãi vay trung dài hạn:

$$I_i = \frac{V_0}{n} * N_i * r_i$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, lãi tính theo nợ nợ gốc hoàn trả mỗi kỳ:

- Số tiền trả ở mỗi kỳ :

$$A_i = \frac{V}{n} + I_i$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, lãi tính trên số dư nợ ban đầu:

- Nợ gốc phải trả ở mỗi kỳ

$$V_i = \frac{V_0}{n}$$

- Tiền lãi vay trung dài hạn:

$$I_i = V_0 * r$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Cho vay tiêu dùng:

❖ Cho vay tiêu dùng trả góp:

➤ Trả góp, lãi tính trên số dư nợ ban đầu: :

- Số tiền trả ở mỗi kỳ :

$$a_i = V_i + I_i$$

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

2. Cho vay sản xuất kinh doanh:

a. Khái niệm:

Là loại hình cho vay nhằm hỗ trợ nguồn vốn giúp cho cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân bổ sung vốn lưu động, đầu tư thêm máy móc trang thiết bị mở rộng nhà xưởng sản xuất, thực hiện các dự án đầu tư dài hạn.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

2. Cho vay sản xuất kinh doanh:

b. Hồ sơ vay:

- CMND, KT3, Hộ khẩu của người đi vay;
- Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực;
- Báo cáo doanh thu từ hoạt động kinh doanh;
- Phương án kinh doanh;
- Chứng từ sở hữu tài sản đảm bảo nợ vay;
- Giấy đề nghị vay vốn.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

2. Cho vay sản xuất kinh doanh:

c. Phương thức cho vay:

- Cho vay từng lần;
- Cho vay hạn mức;
- Cho vay trả góp.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

2. Cho vay sản xuất kinh doanh:

d. Thời hạn cho vay:

- Cho vay ngắn hạn;
- Cho vay trung hạn;
- Cho vay dài hạn.

V. CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

2. Cho vay sản xuất kinh doanh:

e. Phương thức trả nợ:

- Gốc và lãi trả một lần khi đáo hạn;
- Lãi trả hàng tháng, vốn gốc trả cuối kỳ;
- Trả dần vốn và lãi theo định kỳ.